

Số: 08 /2009/TT-BTNMT

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2009

THÔNG TƯ

**Quy định quản lý và bảo vệ môi trường khu kinh tế,
khu công nghệ cao, khu công nghiệp và cụm công nghiệp**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 03 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 99/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2003 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế Khu công nghệ cao;

Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 25/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường và Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

QUY ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về quản lý và bảo vệ môi trường đối với các khu kinh tế, khu kinh tế cửa khẩu (sau đây gọi chung là khu kinh tế và viết tắt là KKT), khu công nghệ cao (viết tắt là KCNC), khu công nghiệp, khu chế xuất (sau đây gọi chung là khu công nghiệp và viết tắt là KCN) và cụm công nghiệp (viết tắt là CCN).



Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường các cấp, Ban Quản lý khu kinh tế, Ban Quản lý khu công nghệ cao, Ban Quản lý khu công nghiệp và Cơ quan quản lý cụm công nghiệp, chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có liên quan đến hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp và cụm công nghiệp.

Điều 3. Nguyên tắc bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp và cụm công nghiệp

1. Phải thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường KKT, KCNC, KCN và CCN được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Bảo vệ môi trường KKT, KCNC, KCN và CCN phải được thực hiện thường xuyên, lấy phòng ngừa là chính, trong tất cả các giai đoạn: Lập quy hoạch xây dựng, chuẩn bị đầu tư, xét duyệt dự án đầu tư; thi công xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật; thi công xây dựng các dự án đầu tư và trong suốt quá trình hoạt động.

Điều 4. Tổ chức chịu trách nhiệm trực tiếp về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp và cụm công nghiệp

1. Ban Quản lý khu kinh tế, Ban Quản lý khu công nghệ cao, Ban Quản lý khu công nghiệp, Cơ quan quản lý cụm công nghiệp là các tổ chức chịu trách nhiệm trực tiếp quản lý công tác bảo vệ môi trường theo sự ủy quyền của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Ban Quản lý khu kinh tế, Ban Quản lý khu công nghệ cao, Ban Quản lý khu công nghiệp, Cơ quan quản lý cụm công nghiệp phải có tổ chức chuyên môn, cán bộ phụ trách về bảo vệ môi trường theo quy định tại Nghị định số 81/2007/NĐ-CP ngày 23 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định tổ chức, bộ phận chuyên môn về bảo vệ môi trường tại cơ quan nhà nước và doanh nghiệp nhà nước.

3. Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật KKT, KCNC, KCN và CCN phải có bộ phận chuyên môn hoặc cán bộ phụ trách về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong KKT, KCNC, KCN và CCN bố trí cán bộ kiêm nhiệm theo dõi công tác bảo vệ môi trường.

Chương II

QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU KINH TẾ, KHU CÔNG NGHỆ CAO, KHU CÔNG NGHIỆP VÀ CỤM CÔNG NGHIỆP

Điều 5. Bảo vệ môi trường trong việc lập quy hoạch xây dựng khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp và cụm công nghiệp

1. Quy hoạch xây dựng KKT, KCNC, KCN, CCN phải phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của vùng, quy hoạch sử dụng đất của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, hạn chế sử dụng đất canh tác nông nghiệp, không xâm phạm các khu bảo tồn thiên nhiên, các vườn quốc gia, bảo đảm phát triển bền vững và an ninh quốc phòng.

Quy hoạch tổng thể phát triển KKT phải lập Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC) theo quy định của pháp luật.

2. Tỷ lệ diện tích đất được phủ cây xanh tối thiểu phải đạt 15% tổng diện tích của KKT, KCNC, KCN và CCN.

3. Quy hoạch xây dựng khu kinh tế phải đảm bảo bố trí không gian các khu chức năng hợp lý rõ ràng, phù hợp với tính chất hoạt động của khu kinh tế, đảm bảo giảm thiểu tác động xấu đối với môi trường xung quanh và giữa các khu chức năng với nhau. Khu công nghiệp và các dự án trong khu kinh tế phát sinh nhiều nguồn khí thải và tiếng ồn phải được bố trí ở cuối hướng gió chủ đạo đối với khu kinh tế và được cách ly với khu đô thị và các khu chức năng yên tĩnh khác bằng các dải cây xanh có chiều rộng theo quy định; các dự án phát sinh nhiều nước thải phải được bố trí gần nhau và ở cuối nguồn nước của khu kinh tế.

4. Quy hoạch sử dụng đất các khu chức năng của khu kinh tế phải phù hợp với điều kiện tự nhiên, hiện trạng môi trường của khu vực và kế hoạch phòng chống thiên tai, động đất, bão lụt, lũ quét, trượt lở đất, nước biển dâng.

5. Các hoạt động du lịch sinh thái và các công trình, cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch sinh thái tại các khu bảo tồn thiên nhiên, Vườn quốc gia trong khu kinh tế (nếu có) phải được cơ quan quản lý nhà nước về bảo tồn thiên nhiên và vườn quốc gia có thẩm quyền cho phép.

Điều 6. Bảo vệ môi trường đối với thiết kế hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp và cụm công nghiệp

1. Hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật KKT, KCNC, KCN và CCN bao gồm hệ thống giao thông, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước, xử lý nước

thải, hệ thống cấp điện, chiếu sáng, hệ thống thông tin phải được thiết kế đồng thời, đồng bộ để bảo đảm thuận tiện trong xây dựng, sửa chữa, vận hành, tiết kiệm sử dụng đất và phải tuân theo Quy chuẩn xây dựng Việt Nam, đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

2. Phải bố trí địa điểm tạm lưu giữ và trung chuyển chất thải rắn trong KKT, KCNC, KCN và CCN; phải xác định rõ cơ sở tiếp nhận, xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại của KKT, KCNC, KCN và CCN.

3. Phải tách riêng hoàn toàn hệ thống thoát nước thải với hệ thống thoát nước mưa. Mạng lưới thu gom nước thải công nghiệp phải có vị trí, cốt hố ga phù hợp để đầu nối với điểm xả nước thải của các doanh nghiệp trong KCNC, KCN và CCN.

4. KCNC, KCN và CCN phải có nhà máy xử lý nước thải tập trung. Nhà máy xử lý nước thải tập trung có thể chia thành nhiều đơn nguyên (modun) nhưng phải bảo đảm tổng công suất đủ để xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường khi các khu này được lấp đầy. Các nhà máy xử lý nước thải tập trung phải thiết kế lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục đối với các thông số: pH, DO, COD, TSS và một số thông số đặc trưng khác trong nước thải của KCNC, KCN, CCN theo yêu cầu nêu trong Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

5. Phương án xử lý nước thải sinh hoạt của các khu chức năng trong KKT: khu đô thị, khu dân cư, khu phi thuế quan, khu giải trí, khu du lịch, khu hành chính và các khu chức năng khác, tùy theo tình hình thực tế, có thể xử lý tại chỗ, xử lý theo cụm công trình hoặc xử lý tập trung tại nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt của KKT. Tất cả các loại hình xử lý nước thải sinh hoạt này đều phải được thiết kế bảo đảm xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

Điều 7. Trách nhiệm của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp, cụm công nghiệp

Phải thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) hoặc cam kết bảo vệ môi trường theo quy định tại Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Chương III

QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG GIAI ĐOẠN TRIỂN KHAI THI CÔNG XÂY DỰNG KHU KINH TẾ, KHU CÔNG NGHỆ CAO, KHU CÔNG NGHIỆP VÀ CỤM CÔNG NGHIỆP

Điều 8. Quản lý chất thải rắn trong giai đoạn giải phóng mặt bằng

Tổ chức, cá nhân thực hiện giải phóng mặt bằng và chuẩn bị đất xây dựng có trách nhiệm thu gom và xử lý tất cả các chất thải rắn phát sinh theo đúng quy định của pháp luật về quản lý chất thải rắn.

Điều 9. Trách nhiệm của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp và cụm công nghiệp

1. Phải thực hiện đúng nội dung Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật KKT, KCNC, KCN và CCN.

2. Phải có báo cáo bằng văn bản gửi Cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và Ban Quản lý KKT, KCNC, KCN hay Cơ quan quản lý CCN về kế hoạch xây lắp kèm theo hồ sơ thiết kế chi tiết của các công trình xử lý môi trường, kế hoạch giám sát môi trường trong giai đoạn thi công để các cơ quan này theo dõi, kiểm tra, giám sát.

3. Về quản lý chất thải rắn: phải triển khai thực hiện các nội dung theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 6 của Thông tư này và các quy định của pháp luật về quản lý chất thải rắn.

4. Về xử lý nước thải:

a) Nhà máy xử lý nước thải tập trung phải được thi công xây dựng theo đúng tiến độ và thiết kế trong dự án đầu tư đã được phê duyệt, bảo đảm hoàn thành đưa vào vận hành trước khi các dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong KKT, KCNC, KCN và CCN đi vào hoạt động;

b) Tiến độ xây dựng nhà máy xử lý nước thải tập trung hoặc các đơn nguyên (modun) của nhà máy phải phù hợp với tiến độ lắp đầy các dự án đầu tư vào KCNC, KCN và CCN;

c) Phải lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước tại đầu ra của nhà máy xử lý nước thải tập trung;

d) Phải lập kế hoạch vận hành thử nghiệm các nhà máy xử lý nước thải của KCN, CCN và các công trình xử lý nước thải của các khu chức năng khác trong KKT, KCNC gửi cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và Ban Quản lý KKT, KCNC, KCN hay Cơ quan quản lý CCN trước



khi đi vào vận hành chính thức; phải có báo cáo bằng văn bản về việc đã thực hiện các nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường cho cơ quan phê duyệt báo cáo và chỉ được phép đưa công trình vào vận hành chính thức khi có văn bản xác nhận của cơ quan này.

5. Trồng, chăm sóc và bảo vệ cây xanh công cộng trong KKT, KCNC, KCN và CCN.

Điều 10. Trách nhiệm của Ban Quản lý khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp và Cơ quan quản lý cụm công nghiệp

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, bản cam kết bảo vệ môi trường đã được phê duyệt, xác nhận trong giai đoạn thi công xây dựng các dự án.

2. Phát hiện và kịp thời báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ môi trường để giải quyết, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 11. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường

Chủ trì và phối hợp với Ban Quản lý KKT, KCNC, KCN và Cơ quan quản lý CCN kiểm tra việc thực hiện các nội dung trong Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hay xác nhận cam kết bảo vệ môi trường của các chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp và cụm công nghiệp.

Chương IV

**QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG GIAI ĐOẠN
HOẠT ĐỘNG CỦA KHU KINH TẾ, KHU CÔNG NGHỆ CAO,
KHU CÔNG NGHIỆP VÀ CỤM CÔNG NGHIỆP**

Điều 12. Trách nhiệm của Ban Quản lý khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp và Cơ quan quản lý cụm công nghiệp

1. Chỉ xem xét tiếp nhận các dự án đầu tư thuộc ngành nghề trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật KKT, KCNC, KCN và CCN đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Ưu tiên các dự án có công nghệ sản xuất hiện đại, công nghệ cao, không hoặc ít gây ô nhiễm môi trường, các dự án áp dụng công nghệ sản xuất sạch hơn, công nghệ thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng.



3. Không tiếp nhận các dự án có công nghệ, thiết bị lạc hậu, hiệu quả sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu thấp, phát sinh nhiều chất thải, có nguy cơ gây ra ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

Điều 13. Điều kiện để các dự án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đầu tư vào khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp và cụm công nghiệp được đưa vào hoạt động

1. Đã hoàn thành việc bố trí địa điểm tạm lưu giữ và trung chuyển chất thải rắn trong KKT, KCNC, KCN, CCN và xác định rõ cơ sở tiếp nhận, xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại của KKT, KCNC, KCN và CCN đã nêu tại khoản 2 Điều 6 và khoản 3 Điều 9 của Thông tư này.

2. Đầu ra nước thải của dự án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đã đầu nối trực tiếp vào nhà máy xử lý nước thải tập trung của KKT, KCNC, KCN và CCN.

3. Dự án sản xuất đã lắp đặt đầy đủ và đã kiểm tra chạy thử các thiết bị xử lý nước thải, xử lý khí thải, xử lý tiếng ồn và áp dụng biện pháp bảo vệ môi trường khác như đã cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc cam kết bảo vệ môi trường.

Điều 14. Trách nhiệm của chủ đầu tư các dự án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp và cụm công nghiệp

1. Lập, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) hoặc xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường theo quy định của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ.

2. Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung trong Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc xác nhận cam kết bảo vệ môi trường đã được cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, xác nhận.

3. Phải có báo cáo bằng văn bản gửi đến cơ quan đã phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc xác nhận cam kết bảo vệ môi trường, Ban Quản lý KKT, KCNC, KCN hoặc Cơ quan quản lý CCN về kế hoạch xây lắp các công trình xử lý môi trường, kế hoạch tự giám sát môi trường trong giai đoạn thi công để các cơ quan này theo dõi, kiểm tra, giám sát.

4. Phải ký văn bản thoả thuận hoặc hợp đồng kinh tế với chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật KKT, KCNC, KCN và CCN về các điều kiện được phép xả nước thải của doanh nghiệp vào nhà máy xử lý nước thải tập trung.

5. Phải đầu nối đầu ra của hệ thống thoát nước thải vào nhà máy xử lý nước thải tập trung dưới sự giám sát của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật KKT, KCNC, KCN và CCN.

6. Phải bảo đảm thuận tiện cho việc quan trắc lấy mẫu và đo lưu lượng nước thải tại đầu ra của công trình xử lý nước thải sơ bộ của doanh nghiệp.

Điều 15. Trách nhiệm của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp và cụm công nghiệp

1. Theo dõi, giám sát hoạt động xả thải của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ vào nhà máy xử lý nước thải tập trung theo đúng hợp đồng đã ký kết.

2. Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đổ vào nhà máy xử lý nước thải tập trung và bảo đảm các công trình xử lý nước thải, các công trình thu gom, phân loại, lưu giữ tạm thời và xử lý chất thải rắn của KKT, KCNC, KCN và CCN hoạt động đúng kỹ thuật.

Điều 16. Bảo vệ môi trường không khí và chống tiếng ồn trong khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp và cụm công nghiệp

1. Tất cả các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với khí thải và tiếng ồn; áp dụng các giải pháp công nghệ và lắp đặt, vận hành các thiết bị xử lý khí thải như đã cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc cam kết bảo vệ môi trường.

2. Khuyến khích việc áp dụng công nghệ sản xuất thân thiện với môi trường, các giải pháp sản xuất sạch hơn, tiết kiệm năng lượng, đặc biệt đối với các ngành công nghiệp có tiềm năng phát thải các chất thải gây ô nhiễm môi trường không khí lớn, như công nghiệp lọc, hoá dầu, luyện kim, nhiệt điện, sản xuất hoá chất, xi măng, giấy...

3. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong KKT, KCNC, KCN và CCN phải nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Bảo vệ môi trường nước trong khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp và cụm công nghiệp

1. Tất cả các hoạt động về thoát nước của KKT, KCNC, KCN và CCN phải tuân thủ các quy định của Nghị định số 88/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về thoát nước đô thị và khu công nghiệp.

2. Việc xả nước thải ra nguồn tiếp nhận phải tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên nước, khai thác nước và bảo vệ

công trình thủy lợi. Tuyệt đối cấm xả nước thải trực tiếp (không qua xử lý hoặc xử lý nhưng chưa đạt quy chuẩn) ra các nguồn tiếp nhận.

3. Nước thải của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đều phải xử lý sơ bộ đạt yêu cầu trước khi đổ vào các nhà máy xử lý nước thải tập trung. Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật KKT, KCNC, KCN và CCN quy định điều kiện nước thải của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ được xả vào nhà máy xử lý nước thải tập trung. Nước thải sinh hoạt của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và các tổ chức, cá nhân trong KCNC, KCN và CCN sau khi xử lý sơ bộ (bằng các bể xí tự hoại,...) phải được xử lý tiếp tại nhà máy xử lý nước thải tập trung. Nước thải phải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường trước khi thải vào nguồn tiếp nhận.

4. Cấm tất cả các tàu bè xả thải nước thải, nước dẫn tàu chưa qua xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường và chất thải rắn xuống vùng nước sông, suối và biển ven bờ của KKT, KCNC, KCN và CCN.

5. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong KKT, KCNC, KCN và CCN phải nộp phí nước thải theo quy định của Nghị định số 67/2003/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải và Nghị định số 04/2007/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2003/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ.

Điều 18. Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại phát sinh trong khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp và cụm công nghiệp

1. Tất cả các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong KKT, KCNC, KCN và CCN và các hộ gia đình trong KKT phải thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn theo quy định của pháp luật.

2. Chất thải rắn của KKT, KCNC, KCN và CCN phải được thu gom 100% và được phân loại riêng thành chất thải không nguy hại (chất thải rắn thông thường), chất thải y tế và chất thải nguy hại.

3. Việc thu gom, phân loại, vận chuyển và xử lý chất thải rắn nguy hại từ hoạt động y tế phải tuân thủ Quyết định số 43/2007/QĐ-BYT ngày 30 tháng 11 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế quản lý chất thải y tế.

4. Việc thu gom, phân loại, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại từ hoạt động sản xuất, kinh doanh phải tuân thủ Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn, Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn hành nghề và lập thủ tục hồ sơ đăng ký cấp phép hành nghề, mã số quản lý chất thải nguy hại.

5. Bùn cặn của trạm xử lý nước thải và mạng lưới thoát nước của KKT, KCNC, KCN và CCN phải được thu gom, xử lý sơ bộ, vận chuyển riêng bằng xe chuyên dụng đưa đến cơ sở xử lý tập trung chất thải rắn để xử lý hợp vệ sinh, đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường.

6. Tất cả các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có chất thải nguy hại phải lập hồ sơ đăng ký chủ nguồn thải với Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Ban Quản lý KKT, KCNC, KCN và CCN (trường hợp Ban quản lý được ủy quyền) theo hướng dẫn tại Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn hành nghề và lập thủ tục hồ sơ đăng ký cấp phép hành nghề, mã số quản lý chất thải nguy hại, đồng thời phải hợp đồng với đơn vị được cấp phép thu gom, vận chuyển, xử lý, tiêu huỷ chất thải nguy hại để xử lý theo quy định của pháp luật.

7. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong KKT, KCNC, KCN và CCN phải nộp phí chất thải rắn theo quy định của Nghị định số 174/2007/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2007 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn.

Điều 19. Ứng phó sự cố môi trường

Khi xảy ra sự cố môi trường, các Ban quản lý và các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong KKT, KCNC, KCN và CCN phải có trách nhiệm huy động khẩn cấp nhân lực, vật lực và phương tiện để ứng phó kịp thời, đồng thời thông báo ngay cho các cơ quan liên quan; trường hợp vượt quá khả năng ứng phó thì báo cáo khẩn cấp với cơ quan cấp trên có thẩm quyền để xử lý.

Chương V

QUAN TRẮC, THÔNG TIN VÀ BÁO CÁO MÔI TRƯỜNG CỦA KHU KINH TẾ, KHU CÔNG NGHỆ CAO, KHU CÔNG NGHIỆP VÀ CỤM CÔNG NGHIỆP

Điều 20. Quan trắc và báo cáo môi trường của các khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp và cụm công nghiệp trong giai đoạn thi công xây dựng

1. Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật KKT, KCNC, KCN, CCN và các chủ dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải thực hiện việc tự quan trắc môi trường các dự án đầu tư.

2. Việc quan trắc môi trường phải tuân thủ đúng theo nội dung của chương trình quản lý và quan trắc môi trường đã cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường đã được phê duyệt, xác nhận.

3. Sau mỗi đợt quan trắc môi trường, chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật và các chủ dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong KKT, KCNC, KCN, CCN (đối với các CCN do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập) phải báo cáo kết quả quan trắc môi trường cho Ban Quản lý KKT, KCNC, KCN, Cơ quan quản lý CCN và Sở Tài nguyên và Môi trường; chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật và các chủ dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong CCN (đối với các CCN do Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập) phải báo cáo kết quả quan trắc môi trường cho Cơ quan quản lý CCN và Ủy ban nhân dân cấp huyện và phải chịu trách nhiệm về các số liệu báo cáo đó.

Điều 21. Quan trắc và báo cáo môi trường của các khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp và cụm công nghiệp trong giai đoạn hoạt động

1. Ban quản lý KKT, KCNC, KCN và Cơ quan quản lý CCN có trách nhiệm định kỳ tối thiểu mỗi năm 2 (hai) lần tổ chức thực hiện quan trắc môi trường chung của khu; gửi báo cáo kết quả quan trắc môi trường đến Tổng cục Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các số liệu trong báo cáo.

2. Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật có trách nhiệm định kỳ mỗi năm 2 (hai) lần quan trắc và báo cáo Ban Quản lý KKT, KCNC, KCN và CCN về mức độ ô nhiễm của nước thải từ các trạm xử lý nước thải tập trung, chất lượng nước của nguồn tiếp nhận, tình hình hoạt động của các công trình xử lý nước thải tập trung, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn của KKT, KCNC, KCN và CCN (đặc trưng, tính chất, số lượng các dạng chất thải, các phương án xử lý chất thải, kết quả xử lý) và các vấn đề môi trường liên quan.

3. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong KKT, KCNC, KCN, CCN (đối với các CCN do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập) có trách nhiệm thực hiện chương trình tự quan trắc môi trường và báo cáo kết quả với Ban quản lý KKT, KCNC, KCN, Cơ quan quản lý CCN, Sở Tài nguyên và Môi trường; các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong CCN (đối với các CCN do Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập) thực hiện chương trình tự quan trắc môi trường và báo cáo kết quả với Cơ quan quản lý CCN và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

4. Kinh phí quan trắc môi trường chung của KKT, KCNC do ngân sách nhà nước đảm nhiệm; kinh phí quan trắc môi trường đối với KCN, CCN do chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật đảm nhiệm; kinh phí quan trắc môi trường đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ do các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đảm nhiệm.

Điều 22. Công khai thông tin về môi trường của khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

1. Các thông tin về môi trường của KKT, KCNC, KCN và CCN phải được công khai theo quy định tại Điều 104 của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Nội dung và hình thức công khai thông tin về môi trường của KKT, KCNC, KCN và CCN:

a) Nội dung thông tin công khai phải bảo đảm tính trung thực, khách quan, dễ hiểu, ngắn gọn và phù hợp với những đối tượng có liên quan tiếp nhận thông tin;

b) Thông tin có thể được công bố bằng các hình thức như đăng tải bản tin trên báo chí, trên trang thông tin (Website) của doanh nghiệp, báo cáo trong các cuộc họp Hội đồng nhân dân các cấp, thông báo trong các cuộc họp khu dân cư, niêm yết tại trụ sở của Ban Quản lý KKT, KCNC, KCN, Cơ quan quản lý CCN và trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi KKT, KCNC, KCN và CCN đang hoạt động.

3. Ban Quản lý KKT, KCNC, KCN, Cơ quan quản lý CCN chịu trách nhiệm công khai thông tin về môi trường trong KKT, KCNC, KCN, CCN; các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong KKT, KCNC, KCN, CCN chịu trách nhiệm công khai thông tin về môi trường trong phạm vi cơ sở và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, khách quan của thông tin được công khai. Sở Tài nguyên và Môi trường nơi có KKT, KCNC, KCN, CCN kiểm tra, giám sát việc công khai thông tin về môi trường của các Ban quản lý và các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Điều 23. Thực hiện dân chủ cơ sở về các vấn đề môi trường của khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp và cụm công nghiệp

1. Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật KKT, KCNC, KCN, CCN, Ban Quản lý KKT, KCNC, KCN, Cơ quan quản lý CCN, tổ chức chuyên môn, cán bộ phụ trách về bảo vệ môi trường trong KKT, KCNC, KCN, CCN và chủ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có trách nhiệm công khai với nhân dân và người lao động tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ về tình hình môi trường, các biện pháp phòng ngừa, hạn chế tác động xấu đối với môi trường và biện pháp khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường bằng một trong các hình thức quy định tại Điều 105 của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Trong các trường hợp sau đây phải tổ chức đối thoại về môi trường:

a) Theo yêu cầu của bên có nhu cầu đối thoại;



b) Theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường các cấp;

c) Theo đơn thư khiếu nại, tố cáo, khởi kiện của tổ chức, cá nhân về các vấn đề liên quan đến môi trường của KKT, KCNC, KCN và CCN.

3. Trách nhiệm giải trình, đối thoại về môi trường được quy định như sau:

a) Bên yêu cầu đối thoại phải gửi cho bên được yêu cầu đối thoại các vấn đề cần giải thích hoặc đối thoại;

b) Trong thời hạn không quá 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu, bên nhận yêu cầu phải chuẩn bị các nội dung trả lời, giải thích, đối thoại;

c) Trường hợp cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường yêu cầu tổ chức đối thoại thì các bên có liên quan thực hiện theo quy định của cơ quan yêu cầu.

4. Việc đối thoại về môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật và dưới sự chủ trì của Cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường có thẩm quyền hoặc Ban Quản lý KKT, KCNC, KCN và Cơ quan quản lý CCN.

5. Kết quả đối thoại phải được ghi thành biên bản ghi nhận các ý kiến thoả thuận, làm căn cứ để các bên có trách nhiệm liên quan thực hiện hoặc để xem xét xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, bồi thường thiệt hại về môi trường.

Chương VI

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHU KINH TẾ, KHU CÔNG NGHỆ CAO, KHU CÔNG NGHIỆP VÀ CỤM CÔNG NGHIỆP

Điều 24. Trách nhiệm của các Bộ, ngành liên quan

Các Bộ, ngành liên quan có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ được quy định cụ thể tại Điều 121 Luật Bảo vệ môi trường, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường đối với KKT, KCNC, KCN và CCN thuộc phạm vi quản lý của mình.

Điều 25. Trách nhiệm của Tổng cục Môi trường

Tổng cục Môi trường chịu trách nhiệm giúp Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện các nhiệm vụ, trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ môi

trường KKT, KCNC, KCN và CCN, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các quy định của Thông tư này.

Điều 26. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Ban hành Quy chế phối hợp giữa Ban Quản lý với các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cấp huyện trong việc quản lý và bảo vệ môi trường KKT, KCNC, KCN và CCN trên địa bàn.

2. Chỉ đạo công tác kiểm tra, thanh tra; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị và xử lý các vi phạm pháp luật về môi trường thuộc thẩm quyền.

3. Chỉ đạo các Sở, ban, ngành hỗ trợ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong KKT, KCNC, KCN và CCN trong việc ứng cứu và khắc phục các sự cố môi trường.

Điều 27. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Phối hợp với Ban Quản lý KKT, KCNC, KCN và Cơ quan quản lý CCN kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của Thông tư này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trong KKT, KCNC, KCN và CCN.

2. Chủ trì hoặc phối hợp (trong trường hợp Ban Quản lý KKT, KCNC, KCN và Cơ quan quản lý CCN là cơ quan được ủy quyền thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường) trong việc kiểm tra, xác nhận kết quả chạy thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật KKT, KCNC, KCN, CCN và các công trình xử lý chất thải của các dự án đầu tư xây dựng trong KKT, KCNC, KCN và CCN trước khi đi vào hoạt động chính thức.

3. Chủ trì và phối hợp với Ban Quản lý KKT, KCNC, KCN và Cơ quan quản lý CCN tiến hành kiểm tra, thanh tra việc thực hiện bảo vệ môi trường và các nội dung của Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của chủ đầu tư và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật KKT, KCNC, KCN, CCN và các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong KKT, KCNC, KCN và CCN theo thẩm quyền.

4. Phối hợp với Ban Quản lý KKT, KCNC, KCN và Cơ quan quản lý CCN giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về bảo vệ môi trường KKT, KCNC, KCN và CCN trong phạm vi quyền hạn được giao.

5. Phối hợp với Ban Quản lý KKT, KCNC, KCN và Cơ quan quản lý CCN tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường, nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường cho chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật KKT, KCNC, KCN, CCN và các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong KKT, KCNC, KCN và CCN.

6. Giám sát việc thực hiện công khai thông tin, dữ liệu môi trường của các KKT, KCNC, KCN và CCN.

7. Thẩm định các bản kê khai, thông báo và tổ chức thu phí bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp trong KKT, KCNC, KCN và CCN (ngoại trừ các KCN, CCN đã được cấp thẩm quyền ủy quyền thẩm định, thu phí).

Điều 28. Trách nhiệm của Ban Quản lý khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp

1. Chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và các khu chức năng trong KKT, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong KCNC, KCN thuộc thẩm quyền quản lý của mình thực hiện các quy định của Thông tư này.

2. Xây dựng cơ chế phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện để thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn được giao chủ trì trong công tác bảo vệ môi trường KKT, KCNC, KCN.

3. Thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường của các dự án đầu tư vào KKT, KCNC, KCN theo ủy quyền của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Ban Quản lý KKT, KCNC, KCN được ủy quyền có trách nhiệm gửi báo cáo kết quả thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường cho Sở Tài nguyên và Môi trường, kết quả bản xác nhận cam kết bảo vệ môi trường cho Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện nơi có KKT, KCNC, KCN.

4. Chủ trì hoặc phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan chức năng liên quan kiểm tra, xác nhận kết quả chạy thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật KKT, KCNC, KCN và các công trình xử lý chất thải của các dự án đầu tư xây dựng trong KKT, KCNC, KCN trước khi đi vào hoạt động chính thức theo thẩm quyền.

5. Phối hợp với các cơ quan chức năng thực hiện việc giám sát, kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm về bảo vệ môi trường đối với các hoạt động của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật KKT, KCNC, KCN và các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong KKT, KCNC, KCN.

6. Chủ trì việc tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường, nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường cho chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật KKT, KCNC, KCN và các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong KKT, KCNC, KCN.

7. Tiếp nhận và giải quyết các tranh chấp, kiến nghị về môi trường giữa các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ trong KKT, KCNC, KCN; chủ trì và phối hợp với cơ quan chức năng giải quyết các tranh chấp, kiến nghị về môi



trường giữa các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ trong KKT, KCNC, KCN với bên ngoài; tiếp nhận và giải quyết theo thẩm quyền các khiếu nại, tố cáo về môi trường trong KKT, KCNC, KCN.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo thẩm quyền hoặc được uỷ quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 29. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Xác nhận các bản cam kết bảo vệ môi trường của các dự án đầu tư vào KKT, KCNC, KCN, CCN theo thẩm quyền.

2. Chỉ đạo kiểm tra, giám sát kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của các dự án đầu tư vào CCN trước khi đi vào hoạt động chính thức theo thẩm quyền.

3. Chỉ đạo công tác kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về bảo vệ môi trường đối với CCN trong địa bàn huyện theo thẩm quyền.

4. Hỗ trợ, ứng cứu và khắc phục các sự cố môi trường đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh và dịch vụ trong CCN.

5. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo thẩm quyền hoặc được uỷ quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 30. Trách nhiệm của Cơ quan quản lý cụm công nghiệp

1. Chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật CCN, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong CCN thuộc thẩm quyền quản lý thực hiện các quy định của Thông tư này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Chỉ đạo các chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật CCN xây dựng kế hoạch phòng, chống sự cố môi trường và thực hiện việc ứng phó khắc phục sự cố môi trường ở các CCN thuộc thẩm quyền quản lý của mình.

3. Phối hợp với các cơ quan chức năng thực hiện việc giám sát, kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường CCN trong quá trình thẩm định dự án, thi công xây dựng và quá trình hoạt động của CCN theo thẩm quyền.

4. Tiếp nhận và giải quyết các tranh chấp, kiến nghị về bảo vệ môi trường giữa các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong CCN; phối hợp với cơ quan chức năng giải quyết các tranh chấp, kiến nghị về bảo vệ môi trường giữa các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong CCN với bên ngoài; tiếp nhận và giải quyết theo thẩm quyền các khiếu nại, tố cáo về môi trường trong CCN.

5. Kiến nghị, đề xuất với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền việc xử lý các trường hợp vi phạm các quy định của Thông tư này và các quy định khác của pháp luật về bảo vệ môi trường.



Điều 31. Trách nhiệm của cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường

1. Gửi bản chính của Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật KKT, KCNC, KCN và CCN và Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong KKT, KCNC, KCN và CCN cho chủ đầu tư dự án, các Ban quản lý KKT, KCNC, KCN và CCN, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Sở Tài nguyên và Môi trường nơi thực hiện dự án.

2. Xem xét và đối chiếu hồ sơ thiết kế, xây dựng các công trình xử lý môi trường với báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đã được phê duyệt. Khi phát hiện những nội dung không phù hợp, trong thời hạn không quá 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, phải có văn bản thông báo cho chủ đầu tư dự án biết để điều chỉnh, bổ sung.

3. Tiếp nhận và xử lý các ý kiến đề xuất, kiến nghị của các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thực hiện nội dung, biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình thi công xây dựng các công trình xử lý môi trường của dự án.

4. Tổ chức kiểm tra, giám sát việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án sau khi nhận được kế hoạch vận hành thử nghiệm của chủ đầu tư dự án và xác nhận kết quả vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án.

5. Lưu giữ và quản lý toàn bộ hồ sơ, văn bản thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và các hồ sơ, văn bản về hoạt động sau thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường do chủ đầu tư dự án, các cơ quan và cá nhân liên quan gửi đến.

Chương VII

KIỂM TRA, THANH TRA, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

Điều 32. Kiểm tra, thanh tra

1. Cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường các cấp trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình thực hiện việc kiểm tra, thanh tra định kỳ hoặc đột xuất về môi trường đối với các tổ chức, cá nhân có các hoạt động liên quan đến môi trường tại các KKT, KCNC, KCN và CCN theo quy định của pháp luật.

2. Ban Quản lý KKT, KCNC, KCN, Cơ quan quản lý CCN có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về môi trường các cấp thực hiện việc kiểm tra, thanh tra tại các KKT, KCNC, KCN và CCN do mình quản lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Cảnh sát Môi trường tham gia, phối hợp thực hiện việc thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường KKT, KCNC, KCN và CCN theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 02/2009/TTLT-BCA-BTNMT ngày 06 tháng 02 năm 2009 giữa Bộ Công an và Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn quan hệ phối hợp công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Các kết quả kiểm tra, thanh tra môi trường được gửi đến các đối tượng bị kiểm tra, thanh tra làm cơ sở cho việc khắc phục các vi phạm; đồng thời gửi đến các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường các cấp và chính quyền địa phương làm cơ sở theo dõi, chỉ đạo giải quyết.

Điều 33. Giải quyết khiếu nại, tố cáo về môi trường

Mọi tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, tố cáo với cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường và các cơ quan liên quan về những hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định của Thông tư này. Cơ quan nhận được khiếu nại, tố cáo có trách nhiệm xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 34. Xử lý tồn tại

1. KKT, KCNC, KCN và CCN đã hoạt động mà chưa có nhà máy xử lý nước thải tập trung phải tiến hành xây dựng và hoàn thành đưa vào sử dụng trước ngày 31 tháng 12 năm 2010.

2. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động trong các KKT, KCNC, KCN và CCN nêu tại khoản 1 của Điều này có trách nhiệm:

a) Xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường trước khi thải ra môi trường;

b) Đầu nối hệ thống xử lý nước thải vào mạng lưới thu gom nước thải công nghiệp khi nhà máy xử lý nước thải tập trung của KKT, KCNC, KCN, CCN đi vào vận hành trong trường hợp chưa đủ điều kiện được miễn trừ đầu nối theo quy định tại Điều 45 của Nghị định số 88/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về thoát nước đô thị và khu công nghiệp.

Điều 35. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2009.
2. Quyết định số 62/2002/QĐ-BKHCNMT ngày 09 tháng 8 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường về việc ban hành Quy chế bảo vệ môi trường khu công nghiệp hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 36. Trách nhiệm thi hành

1. Các Bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các cấp, Tổng cục Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý KKT, KCNC, KCN, Cơ quan quản lý CCN, chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KKT, KCNC, KCN, CCN và chủ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoạt động trong KKT, KCNC, KCN và CCN có trách nhiệm thực hiện Thông tư này.
2. Tổng cục Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Thông tư này.
3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài nguyên và Môi trường để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- UBND các tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương;
- Ban quản lý các KKT, KCN, KCNC;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Công báo, Cổng TTĐT Chính phủ;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ TN&MT; Website của Bộ;
- Lưu: VT, TCMT, PC. H.300.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Xuân Cường

